

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
TIÊN PHONG**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 3, Số 75-77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT	4 - 5
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH	6 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG	9 - 10
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	11 - 12
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	13
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	14 – 49

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý Công ty trong kỳ và đến thời điểm lập Báo cáo này gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
<u>Hội đồng quản trị</u>			
Ông Đỗ Anh Tú	Chủ tịch	04/10/2019	
Ông Trần Sơn Hải	Phó Chủ tịch	04/10/2019	
Bà Trương Thị Hoàng Lan	Thành viên độc lập	26/04/2019	
<u>Ban kiểm soát</u>			
Bà Trần Thanh Hương	Trưởng ban	26/04/2019	
Ông Nguyễn Đình Ngôn	Thành viên	26/04/2019	19/06/2020
Ông Nguyễn Thế Trung	Thành viên	26/04/2019	19/06/2020
Bà Đặng Sĩ Thùy Tâm	Thành viên	19/06/2020	
Bà Võ Thị Xuân Lan	Thành viên	19/06/2020	
<u>Ban Tổng Giám đốc</u>			
Ông Trần Sơn Hải	Tổng Giám đốc	04/10/2019	
Bà Nguyễn Thị Lệ Tùng	Giám đốc khối tài chính	16/04/2019	
Bà Võ Thị Xuân Lan	Giám đốc Khối dịch vụ Chứng khoán	01/03/2019	31/01/2020
Ông Nguyễn Đình Ngôn	Giám đốc khối ngân hàng đầu tư	17/02/2020	
Ông Tô Phi Hùng	Giám đốc Khối dịch vụ Chứng khoán	31/01/2020	25/05/2020
Bà Bùi Thị Thanh Trà	Giám đốc khối vận hành	15/10/2019	

ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập Báo cáo này là ông Trần Sơn Hải, chức danh Tổng Giám đốc Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt (Vietland) đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm trong việc bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



TRẦN SƠN HẢI - Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 02 năm 2021

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong, được lập ngày 25 tháng 02 năm 2021, từ trang 6 đến trang 49, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu Chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà Chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của Chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của Chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của các công ty chứng khoán.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý thêm với người đọc Báo cáo này vấn đề sau: Trong năm, Công ty phát sinh khoản đặt cọc số tiền 500.000.000.000 VND là biện pháp bảo đảm thực hiện giao dịch nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại số 42-44 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh cho mục đích làm trụ sở của Công ty với tổng giá trị Hợp đồng là 650.000.000.000 VND (Xem Thuyết minh V.4).

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 02 năm 2021

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt



NGUYỄN THỊ THƠM - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0787-2018-037-1

LÊ THỊ BÍCH NGỌC - Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1817-2018-037-1

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Vietland

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

MẪU B01-CTCK

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 130)	100		2.172.960.074.502	307.109.132.401
I. Tài sản tài chính	110		2.169.121.731.195	170.779.383.560
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	111	V.1	1.002.117.958.872	117.115.839.349
1.1. Tiền	111.1		1.002.117.958.872	117.115.839.349
2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	112	V.3a	450.490.918.650	3.861.000.320
3. Các khoản cho vay	114	V.3b	127.817.183.500	1.426.380.509
4. Các khoản phải thu	117		695.000.000	-
4.1 Phải thu bán các tài sản tài chính	117.1	V.4a	695.000.000	-
4. Trả trước cho người bán	118	V.4b	512.551.667.980	748.752.200
5. Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	119	V.4c	62.742.833.058	2.620.427.667
6. Các khoản phải thu khác	122	V.4d	12.706.169.135	45.006.983.515
II. Tài sản ngắn hạn khác	130		3.838.343.307	136.329.748.841
1. Tạm ứng	131	V.5	562.451.671	134.761.567.327
2. Chi phí trả trước ngắn hạn	133	V.6a	1.090.385.434	1.545.181.514
3. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	134	V.7a	20.000.000	20.000.000
4. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	136	V.14	2.165.506.202	3.000.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 - 260)	200		25.603.536.023	20.527.552.079
I. Tài sản tài chính dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		6.956.397.665	3.571.526.285
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	3.230.140.480	3.528.432.937
Nguyên giá	222		9.118.477.729	8.375.919.529
Giá trị hao mòn lũy kế	223a		(5.888.337.249)	(4.847.486.592)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	3.726.257.185	43.093.348
Nguyên giá	228		10.953.787.564	7.174.617.564
Giá trị hao mòn lũy kế	229a		(7.227.530.379)	(7.131.524.216)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	240	V.10	425.882.609	1.125.390.000
V. Tài sản dài hạn khác	250		18.221.255.749	15.830.635.794
1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251	V.7b	2.265.293.833	1.492.116.185
2. Chi phí trả trước dài hạn	252	V.6b	5.501.756.869	6.871.378.972
3. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	253	V.11	6.353.177.853	3.416.322.424
4. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	254	V.12	4.101.027.194	4.050.818.213
VI. Dự phòng suy giảm giá trị tài sản dài hạn	260		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2.198.563.610.525	327.636.684.480

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Báo cáo tình hình tài chính (tiếp theo)

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C.	NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 340)	300		1.238.047.594.567	56.386.664.481
I.	Nợ phải trả ngắn hạn	310		238.047.594.567	56.386.664.481
1.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	311	V.13	-	15.000.000.000
1.1.	Vay ngắn hạn	312		-	15.000.000.000
2.	Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318		55.406.916.000	-
3.	Phải trả người bán ngắn hạn	320		324.237.500	967.269.530
4.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	321		-	-
5.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	V.14	7.122.594.274	7.287.069.744
6.	Phải trả người lao động	323		8.570.186.519	1.521.320.000
7.	Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324		-	845.000
8.	Chi phí phải trả ngắn hạn	325	V.15	33.565.253.669	12.369.898.064
9.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	327		31.151.123.629	-
10.	Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329	V.16	101.907.282.976	19.240.262.143
II.	Nợ phải trả dài hạn	340		1.000.000.000.000	-
	Trái phiếu phát hành dài hạn	346	V.17	1.000.000.000.000	-
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 420)	400		960.516.015.958	271.250.019.999
I.	Vốn chủ sở hữu	410		960.516.015.958	271.250.019.999
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.18	1.000.000.000.000	400.000.000.000
1.1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		1.000.000.000.000	400.000.000.000
a.	Cổ phiếu phổ thông	411.1a		1.000.000.000.000	400.000.000.000
2.	Lợi nhuận chưa phân phối (lỗ lũy kế)	417	V.19	(39.483.984.042)	(128.749.980.001)
2.1.	Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	417.1		(45.270.770.467)	(132.214.676.633)
2.2.	Lợi nhuận chưa thực hiện	417.2		5.786.786.425	3.464.696.632
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	420		-	-
TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU (440 = 300 + 400)		440		2.198.563.610.525	327.636.684.480

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Báo cáo tình hình tài chính (tiếp theo)**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN CỦA CTCK VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
1. Nợ khó đòi đã xử lý	004	V.20a	408.234.835.519	411.003.105.849
2. Cổ phiếu đang lưu hành	006	V.18	100.000.000	40.000.000
3. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của CTCK	008	V.20b	227.218.270.000	624.970.000
4. Tài sản tài chính chờ về của CTCK	010	V.20c	1.511.500.000	-
5. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK	012	V.20d	98.100.000.000	3.000.000.000
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	021	V.20e	3.107.055.785.000	1.782.590.610.000
a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	021.1		1.113.855.545.000	948.781.920.000
b. Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	021.4		1.966.554.330.000	832.626.290.000
c. Tài sản tài chính thanh toán	021.5		26.645.910.000	1.182.400.000
2. Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	023	V.20f	24.349.090.000	-
2. Tiền gửi của khách hàng	026		182.001.020.004	29.627.572.793
2.1 Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	027	V.20g	154.001.020.004	13.427.572.793
2.2 Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán	030	V.20h	28.000.000.000	16.200.000.000
3. Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031	V.20i	154.001.020.004	13.427.572.793
3.1 Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.1		153.425.112.018	13.317.515.503
3.2 Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.2		575.907.986	110.057.290
4. Phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán	032	V.20j	28.000.000.000	16.200.000.000
5. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	035	V.20k	1.606.627.659	1.620.849.159



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 02 năm 2021

TRẦN SƠN HẢI
 Tổng Giám đốc

NGUYỄN THỊ LỆ TÙNG
 Giám đốc Khối tài chính

NGUYỄN THỊ KHÁNH HÒA
 Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020MẪU B02-CTCK
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
1.1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	01		15.431.781.550	2.162.637.279
a. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	01.1	VI.1	4.054.547.038	187.775.781
b. Chênh lệch tăng đánh giá lại các TSTC FVTPL	01.2	VI.2	1.157.191.264	1.933.877.898
c. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	01.3	VI.3	10.220.043.248	40.983.600
1.2. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	02	VI.3	5.753.425	2.001.390.379
1.3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03	VI.3	1.249.873.023	35.173.288
1.4. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	06	VI.4	18.714.861.029	1.016.008.565
1.5. Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	07	VI.4	-	320.000.000
1.6. Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	08	VI.4	6.368.409.091	58.880.779
1.7. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	09	VI.4	26.669.182.107	12.334.324.736
1.8. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	10	VI.4	306.470.205.479	155.253.700.000
1.9. Thu nhập hoạt động khác	11	VI.4	15.215.117.574	172.000.000
Cộng doanh thu hoạt động (20 = 01 -> 11)	20		390.125.183.278	173.354.115.026
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
2.1. Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	21		7.111.954.305	1.296.970.229
a. Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	21.1	VI.1	5.221.666.414	1.227.706.039
b. Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC FVTPL	21.2	VI.2	1.771.956.900	69.264.190
c. Chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL	21.3		118.330.991	-
2.2. Chi phí hoạt động tự doanh	26	VI.5	144.000.000	294.419.903
2.3. Chi phí môi giới chứng khoán	27	VI.5	11.870.411.833	3.502.145.610
2.4. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30	VI.5	31.067.004.543	452.944.585
2.5. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	31	VI.5	152.912.872.528	101.801.697.665
Cộng chi phí hoạt động (40 = 21 -> 32)	40		203.106.243.209	107.348.177.992
III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	42	VI.6	380.759.736	270.154.635
Cộng doanh thu hoạt động tài chính (50 = 41 -> 44)	50		380.759.736	270.154.635
IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH				
Chi phí lãi vay	52	VI.7	41.400.067.222	78.778.526
Cộng chi phí tài chính (60 = 51 -> 55)	60		41.400.067.222	78.778.526
VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	62	VI.8	52.227.427.129	22.739.825.619
VII KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (70 = 20+50-40-60-61-62)	70		93.772.205.454	43.457.487.524

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Báo cáo kết quả hoạt động (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
VIII THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
8.1. Thu nhập khác	71	VI.9	9.955.861.771	7.491.800.193
8.2. Chi phí khác	72		18.506.611	-
Cộng kết quả hoạt động khác (80 = 71-72)	80		9.937.355.160	7.491.800.193
IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90 = 70 + 80)	90		103.709.560.614	50.949.287.717
9.1. Lợi nhuận đã thực hiện	91		104.324.326.250	49.084.674.009
9.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	92		(614.765.636)	1.864.613.708
X. CHI PHÍ THUẾ TNDN	100		14.443.564.655	(3.416.322.424)
10.1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1	VI.10	17.380.420.084	-
10.2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	100.2	VI.11	(2.936.855.429)	(3.416.322.424)
XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200 = 90 - 100)	200		89.265.995.959	54.365.610.141
XII. THU NHẬP (LỖ) TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN	300			
Tổng thu nhập (lỗ) toàn diện khác	400		-	-
XIII. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG	500			
13.1. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	501	VI.12a	1.590	1.458
13.2. Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	502	VI.12b	1.590	1.458



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 02 năm 2021

TRẦN SƠN HẢI
Tổng Giám đốc

NGUYỄN THỊ LỆ TÙNG
Giám đốc Khối tài chính

NGUYỄN THỊ KHÁNH HÒA
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B03-CTCK
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước Thuế Thu nhập doanh nghiệp	01		103.709.560.614	50.949.287.717
2. Điều chỉnh cho các khoản:	02		42.408.369.253	(415.687.136.270)
- Khấu hao TSCĐ	03		1.167.700.570	696.401.290
- Các khoản dự phòng	04		-	(416.462.316.086)
- Chi phí lãi vay	06		41.400.067.222	78.778.526
- (Lãi) lỗ từ hoạt động đầu tư	07		18.506.250	-
- Các khoản điều chỉnh khác	09		(177.904.789)	-
3. Tăng các chi phí phi tiền tệ	10		1.771.956.900	69.264.190
Lỗ đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	11		1.771.956.900	69.264.190
4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ	18		(1.157.191.264)	(1.933.877.898)
Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	19		(1.157.191.264)	(1.933.877.898)
5. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	30		(840.596.751.271)	294.283.324.224
- Tăng (giảm) tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	31		(447.244.683.966)	18.037.994.158
- Tăng (giảm) các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	32		-	15.000.000.000
- Tăng (giảm) các khoản cho vay	33		(126.390.802.991)	(1.351.380.509)
- (-) Tăng, (+) giảm phải thu bán các tài sản tài chính	35		(695.000.000)	37.510.206.284
- (-) Tăng, (+) giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	36		-	261.534.246
- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	37		(60.122.405.391)	7.111.786.066
- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu về lỗi giao dịch các TSTC	38		-	-
- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu khác	39		32.251.464.380	333.945.126.287
- Tăng (giảm) các tài sản khác	40		133.375.729.027	(136.063.238.945)
- Tăng (giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)	41		66.700.901.742	3.205.223.409
- Tăng (giảm) chi phí trả trước	42		1.824.418.183	(6.126.713.420)
- (-) Thuế TNDN đã nộp	43		(19.545.926.286)	-
- (-) Lãi vay đã trả	44	VII	(31.498.697.359)	(49.189.485)
- Tăng (giảm) phải trả cho người bán	45	VII	(510.134.343.910)	(34.200.637)
- Tăng (giảm) các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	46		(845.000)	845.000
- Tăng (giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm chi phí lãi vay phải trả)	47		16.429.319	4.448.143.616
- Tăng (giảm) phải trả người lao động	48		7.048.866.519	807.352.323
- Tăng (giảm) phải trả về lỗi giao dịch các TSTC	49		-	-
- Tăng (giảm) phải trả, phải nộp khác	50		113.818.144.462	17.579.835.831
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	60		(693.864.055.768)	(72.319.138.037)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	61	VII	(6.133.824.709)	(4.810.341.100)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	70		(6.133.824.709)	(4.810.341.100)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	71		600.000.000.000	160.000.000.000
2. Tiền vay gốc	73		1.469.859.320.772	15.000.000.000
2.1 Tiền vay khác	73.2		1.469.859.320.772	15.000.000.000
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	74		(484.859.320.772)	-
2.1 Tiền chi trả gốc nợ vay khác	74.3		(484.859.320.772)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	80		1.585.000.000.000	175.000.000.000
IV. Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ	90		885.002.119.523	97.870.520.863
V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	101	V.1	117.115.839.349	19.245.318.486
- Tiền	101.1		117.115.839.349	1.145.318.486
- Các khoản tương đương tiền	101.2		-	18.100.000.000
V. Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	103	V.1	1.002.117.958.872	117.115.839.349
- Tiền	103.1		1.002.117.958.872	117.115.839.349
- Các khoản tương đương tiền	103.2		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng				
1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01		2.513.795.385.550	223.057.325.600
2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02		(2.055.727.078.000)	(278.965.105.300)
3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07		2.133.746.778.247	486.242.051.804
4. Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	08		(2.450.197.832.850)	(428.735.843.595)
5. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng	11		(1.043.805.736)	(441.824.736)
6. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán	14		4.947.766.798.740	2.409.227.233.089
7. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán	15		(4.935.966.798.740)	(2.393.027.233.089)
<i>Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ</i>	20		152.373.447.211	17.356.603.773
II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ của khách hàng	30		29.627.572.793	12.270.969.020
Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ:	31		29.627.572.793	12.270.969.020
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	32	V.20g	13.427.572.793	12.270.969.020
<i>Trong đó có kỳ hạn:</i>				
- Tiền gửi của Tổ chức phát hành	35	V.19f	16.200.000.000	-
III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ của khách hàng (40 = 20 + 30)	40		182.001.020.004	29.627.572.793
Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ:	41		182.001.020.004	29.627.572.793
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	42	V.20g	154.001.020.004	13.427.572.793
<i>Trong đó có kỳ hạn:</i>				
- Tiền gửi của Tổ chức phát hành	45	V.20h	28.000.000.000	16.200.000.000

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 02 năm 2021



TRẦN SƠN HẢI
Tổng Giám đốc

NGUYỄN THỊ LỆ TÙNG
Giám đốc Khối tài chính

NGUYỄN THỊ KHÁNH HÒA
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 5, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

MÃU B04-CTCK
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số đầu năm		Số tăng/giảm		Số cuối kỳ	
		Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay
I. Biến động vốn chủ sở hữu	V.18	290.000.000.000	400.000.000.000	(50.000.000.000)	600.000.000.000	400.000.000.000	1.000.000.000.000
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu							
1.1. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		240.000.000.000	400.000.000.000	-	600.000.000.000	400.000.000.000	1.000.000.000.000
1.2. Thặng dư vốn cổ phần		50.000.000.000	-	(50.000.000.000)	-	-	-
2. Lợi nhuận chưa phân phối	V.19	(233.115.390.142)	(128.749.980.001)	54.889.496.562	86.943.906.166	(178.226.093.580)	(39.483.984.042)
2.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		(231.299.350.642)	(132.214.676.633)	53.179.314.674	86.943.906.166	(178.120.035.968)	(45.270.770.467)
2.2. Lợi nhuận chưa thực hiện Cộng		(1.816.239.500)	3.464.696.632	1.710.181.888	-	(106.037.612)	5.786.786.425
		56.884.409.858	271.250.019.999	(50.000.000.000)	686.943.906.166	221.773.906.420	960.516.015.958

II. Thu nhập toàn diện khác

Cộng

Số P. 49 - C.T.C. Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 02 năm 2021



TRAN SON HAI
 Tổng Giám đốc

(Handwritten signature)

NGUYỄN THỊ LỆ TÙNG
 Giám đốc Khối tài chính

(Handwritten signature)

NGUYỄN THỊ KHÁNH HÒA
 Kế toán trưởng



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

MẪU B09-CTCK

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong tên tiếng Anh là Tien Phong Securities Corporation, tiền thân là Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005822 ngày 28 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh và Giấy phép hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 49/UBCK-GPHĐKD ngày 29 tháng 12 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được cấp điều chỉnh các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi như sau:

- Giấy phép điều chỉnh số 72/UBCK-GPĐCCTCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 6 tháng 9 năm 2007, chuẩn y tăng vốn điều lệ từ 60.000.000.000 VND lên 120.000.000.000 VND.
- Giấy phép điều chỉnh số 100/UBCK-GPĐCCTCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28 tháng 12 năm 2007, chuẩn y tăng vốn điều lệ từ 120.000.000.000 VND lên 240.000.000.000 VND.
- Giấy chứng nhận đăng ký Chứng khoán số 152/2010/GCNCP-VSD do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp ngày 02 tháng 7 năm 2010, chuẩn y chứng khoán của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã Chứng khoán là ORS. Ngày 12 tháng 7 năm 2010, cổ phiếu của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông đã chính thức được niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
- Giấy phép điều chỉnh số 30/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 14 tháng 11 năm 2014, chuẩn y việc thay đổi người đại diện theo pháp luật là ông Phan Vũ Tuấn, chức danh Chủ tịch HĐQT.
- Giấy phép điều chỉnh số 46/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 20 tháng 10 năm 2015, chuẩn y việc dời trụ sở về Tầng 14, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Giấy phép điều chỉnh số 12/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 30 tháng 3 năm 2017, chuẩn y việc thay đổi người đại diện theo pháp luật là bà Phạm Thị Quỳnh Trang, chức danh Chủ tịch Ban Tổng Giám đốc.
- Giấy phép điều chỉnh số 90/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 26 tháng 10 năm 2018, chuẩn y việc dời trụ sở về Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Giấy phép điều chỉnh số 07/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 31 tháng 01 năm 2019, chuẩn y việc rút nghiệp vụ kinh doanh tự doanh chứng khoán.
- Giấy phép điều chỉnh số 19/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28 tháng 3 năm 2019, chuẩn y việc thay đổi người đại diện theo pháp luật là ông Trần Sơn Hải, chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Giấy phép điều chỉnh số 24/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước cấp ngày 18 tháng 4 năm 2019, chuẩn y việc các việc sau:
 - ✓ Thay đổi tên Công ty từ “Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông” thành “Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong”.
 - ✓ Tăng vốn điều lệ từ 240.000.000.000 VND lên 400.000.000.000 VND.
- Giấy phép điều chỉnh số 11/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước cấp ngày 25 tháng 2 năm 2020, chuẩn y việc thay đổi người đại diện theo pháp luật là ông Trần Sơn Hải, chức danh Tổng Giám đốc.
- Giấy phép điều chỉnh số 14/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước cấp ngày 30 tháng 3 năm 2020, chuẩn y các việc sau:
 - ✓ Tăng vốn điều lệ từ 400.000.000.000 VND lên 439.600.000.000 VND.
 - ✓ Cấp phép bổ sung nghiệp vụ kinh doanh: Tự doanh chứng khoán; Bảo lãnh phát hành chứng khoán.
- Giấy phép điều chỉnh số 71/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước cấp ngày 29 tháng 10 năm 2020, chuẩn y việc thay đổi vốn điều lệ từ 439.600.000.000 VND tăng lên 1.000.000.000.000 VND.

Cổ phiếu ORS của Công ty hủy niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 10 tháng 4 năm 2019 theo Quyết định số 125/QĐ-SGDHCM của Sở Giao dịch Chứng Hà Nội.

Vào ngày 10 tháng 4 năm 2019, cổ phiếu ORS của Công ty được chấp thuận đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 183/QĐ-SGDHN của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Cổ phiếu của Công ty chính thức giao dịch trên thị trường đăng ký giao dịch (UPCom) tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội kể từ vào ngày 17 tháng 4 năm 2019 theo Thông báo của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội số 376/TB-SGDHN ngày 10 tháng 4 năm 2019.

- **Vốn pháp định** : 250.000.000.000 VND
- **Vốn điều lệ** : 1.000.000.000.000 VND
 - Số cổ phiếu : 100.000.000 cổ phiếu
 - Mệnh giá : 10.000 VND/cổ phiếu
- **Trụ sở hoạt động**
 - Địa chỉ : Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
 - Điện thoại : (84-028) 3911 8014
 - Fax : (84-028) 3911 8015
 - Mã số thuế : 0 3 0 4 8 1 4 3 3 9
- **Chi nhánh**
 - Tên Chi nhánh : Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong - Chi nhánh Hà Nội
 - Địa chỉ : Tầng 12, DOJ Tower, số 5 Lê Duẩn, Phường Điện Biên, Quận Ba Đình, Hà Nội

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Ngành, nghề kinh doanh

Môi giới chứng khoán; Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán; Lưu ký chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Bảo lãnh phát hành chứng khoán.

3. Hạn chế đầu tư của công ty chứng khoán

Theo Điều 44 Thông tư 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về “Hướng dẫn về thành lập và hoạt động công ty chứng khoán” và các sửa đổi bổ sung theo Thông tư 07/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 như sau:

- 1) Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán.
- 2) Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản theo quy định tại Khoản 1 Điều này và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản không được vượt quá năm mươi phần trăm (50%) giá trị tổng tài sản của công ty chứng khoán.
- 3) Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của công ty chứng khoán không được vượt quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu. Công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về giao dịch mua bán lại trái phiếu.
- 4) Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện:
 - a) Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của khách hàng;
 - b) Cùng với người có liên quan đầu tư từ năm phần trăm (5%) trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác;
 - c) Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết;
 - d) Đầu tư quá mười lăm phần trăm (15%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở;
 - đ) Đầu tư hoặc góp vốn quá mười phần trăm (10%) tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh;
 - e) Đầu tư hoặc góp vốn quá mười lăm phần trăm (15%) vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh;
 - g) Đầu tư quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá hai mươi (20%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh.
- 5) Công ty chứng khoán được thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con. Trong trường hợp này, công ty chứng khoán không phải tuân thủ quy định tại Điểm c, d và đ Khoản 4 Điều này. Công ty chứng khoán dự kiến thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con phải đáp ứng các điều kiện sau:
 - a) Vốn chủ sở hữu sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ tối thiểu phải bằng vốn pháp định cho các nghiệp vụ kinh doanh công ty thực hiện;

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- b) Tỷ lệ vốn khả dụng sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ tối thiểu phải đạt một trăm tám mươi phần trăm (180%);
 - c) Công ty chứng khoán sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ phải đảm bảo tuân thủ hạn chế vay nợ quy định tại Điều 42 Thông tư này và hạn chế đầu tư quy định tại Khoản 3 Điều này và Điểm e Khoản 4 Điều này.
- 6) Trường hợp công ty chứng khoán đầu tư vượt quá hạn mức do thực hiện bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn, do hợp nhất, sáp nhập hoặc do biến động tài sản, vốn chủ sở hữu của công ty chứng khoán hoặc tổ chức góp vốn, công ty chứng khoán phải áp dụng các biện pháp cần thiết để tuân thủ hạn mức theo quy định tại Khoản 2, 3 và 4 Điều này tối đa trong thời hạn một (01) năm.

4. Nhân viên

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 125 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 64 người).

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 thuộc kỳ kế toán năm thứ 14 của Công ty.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 210”) của Bộ Tài chính, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 (“Thông tư 334”) do Bộ Tài chính ban hành về “Sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210”, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của các công ty chứng khoán.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán yêu cầu Ban Tổng Giám đốc có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày Báo cáo tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng của công ty chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán được trình bày tại Các chỉ tiêu ngoài Báo cáo tình hình tài chính (ngoài bảng).

4. Tài sản tài chính

a) Phân loại tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân loại dựa trên bản chất và mục đích sở hữu vào ngày mua, bao gồm tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL), các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM), các khoản cho vay và phải thu.

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Tài sản tài chính FVTPL bao gồm các tài sản tài chính được nắm giữ cho mục đích kinh doanh, hoặc các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL.

Tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được đánh giá lại theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý trên Báo cáo tình hình tài chính của Công ty. Chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL phát sinh sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ trên chỉ tiêu "Chênh lệch tăng đánh giá lại các TSTC FVTPL" nếu chênh lệch tăng, hoặc trên chỉ tiêu "Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC FVTPL" nếu chênh lệch giảm.

Chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của Báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ khi phát sinh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

Các khoản đầu tư HTM là các tài sản tài chính phi phát sinh có kỳ hạn cố định và các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định mà Công ty có dự định tích cực và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ các tài sản tài chính phi phát sinh đã được phân loại vào nhóm tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ, tài sản tài chính sẵn sàng để bán hoặc nhóm tài sản tài chính phi phát sinh thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản đầu tư HTM được ghi nhận ban đầu theo giá mua cộng các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này. Sau khi ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính HTM được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản đầu tư HTM được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính đó trừ đi (-) các khoản hoàn trả gốc cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Lãi suất thực là lãi suất chiết khấu chính xác các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc trong kỳ hạn ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại ròng của tài sản hoặc nợ tài chính.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc xác định, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành áp dụng cho Công ty chứng khoán.

Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của khoản cho vay đó trừ đi (-) các khoản hoàn trả gốc cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

b) Đánh giá lại các tài sản tài chính

Việc đánh giá lại các tài sản tài chính theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý được thực hiện theo phương pháp xác định giá trị phù hợp với quy định pháp luật. Trong trường hợp không có giá thị trường tại ngày giao dịch gần nhất, Công ty sử dụng giá trị hợp lý để đánh giá lại các tài sản tài chính. Giá trị hợp lý được xác định trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc, phương pháp hoặc mô hình lý thuyết định giá tài sản tài chính đã được Ban Tổng Giám đốc chấp nhận. Cụ thể:

- Giá trị thị trường của các chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.
- Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa bình quân tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.
- Đối với các chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày Báo cáo tình hình tài chính gần nhất.
- Đối với các chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường làm cơ sở để đánh giá lại là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của ba (03) công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá lại nhưng không quá một tháng tính đến ngày đánh giá lại.
- Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá khả năng và mức độ giảm giá dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị ghi sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày đánh giá chứng khoán.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

c) Ngừng ghi nhận tài sản tài chính

Tài sản tài chính (hoặc một phần của một nhóm tài sản tài chính tương tự) được ngừng ghi nhận khi:

- Công ty không còn quyền thu tiền phát sinh từ các tài sản tài chính; hoặc
- Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ các tài sản tài chính hoặc đồng thời phát sinh nghĩa vụ thanh toán gần như lập tức toàn bộ số tiền thu được cho bên thứ ba thông qua hợp đồng chuyển giao; và:
 - + Công ty chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản; hoặc
 - + Công ty không chuyển giao hay giữ lại toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn với tài sản đó nhưng đã chuyển giao quyền kiểm soát tài sản.

Khi Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản hoặc đã ký hợp đồng chuyển giao với bên thứ ba nhưng vẫn chưa chuyển giao phần lớn mọi rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản hoặc chuyển giao quyền kiểm soát đối với tài sản, tài sản vẫn chưa được ghi nhận là tài sản của Công ty. Trong trường hợp đó, Công ty cũng ghi nhận một khoản nợ phải trả tương ứng. Tài sản được chuyển giao và nợ phải trả tương ứng được ghi nhận trên cơ sở phản ánh quyền và nghĩa vụ mà Công ty giữ lại.

Trường hợp khoản nợ ghi nhận có hình thức bảo lãnh các tài sản chuyển nhượng sẽ được ghi nhận theo giá trị nhỏ hơn giữa giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản và số tiền tối đa mà Công ty được yêu cầu phải thanh toán.

5. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu bao gồm phải thu từ hoạt động giao dịch chứng khoán, phải thu phí cung cấp dịch vụ môi giới, tư vấn cho nhà đầu tư, lãi dự thu về dịch vụ tài chính, và các khoản phải thu về dịch vụ khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra tại ngày Báo cáo tài chính đối với các khoản nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng Công ty thu thập được các bằng chứng xác định tổ chức kinh tế đã phá, đã mở thủ tục pháp sản, đã bỏ trốn khỏi địa điểm kinh doanh; đối tượng nợ đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đang mắc bệnh hiểm nghèo (có xác nhận của bệnh viện) hoặc đã chết hoặc khoản nợ đã được Công ty yêu cầu thi hành án nhưng không thể thực hiện được do đối tượng nợ bỏ trốn khỏi nơi cư trú; khoản nợ đã được Công ty khởi kiện đòi nợ nhưng bị đình chỉ giải quyết vụ án.

Mức trích lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 8 tháng 8 năm 2019 như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ trên một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ trên hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tăng hoặc giảm dự phòng phải thu khó đòi được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trong năm trên khoản mục “Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay”.

6. Các hợp đồng mua lại và bán lại

Các hợp đồng mua lại

Những tài sản được bán đồng thời cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng mua lại) không được ghi giảm trên Báo cáo tài chính. Khoản tiền nhận được theo các hợp đồng mua lại này được ghi nhận là khoản nợ phải trả trên Báo cáo tình hình tài chính và phần chênh lệch giữa giá bán và giá cam kết mua lại trong tương lai được ghi nhận là chi phí lãi và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào Báo cáo kết quả hoạt động trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng mua lại.

Các hợp đồng bán lại

Những tài sản được mua đồng thời cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng bán lại) không được ghi tăng trên Báo cáo tài chính. Khoản tiền thanh toán theo các hợp đồng bán lại này được ghi nhận là khoản tài sản trên Báo cáo tình hình tài chính và phần chênh lệch giữa giá mua và giá cam kết bán lại trong tương lai được ghi nhận là thu nhập lãi và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào Báo cáo kết quả hoạt động trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng bán lại. Đối với các cam kết quá hạn, phần chênh lệch này không được dự thu và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động khi Công ty thực hiện.

7. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Máy móc thiết bị	3 - 5
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6
Thiết bị văn phòng	3

8. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty thể hiện giá trị phần mềm tin học là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa các phần mềm tin học vào sử dụng. Các phần mềm tin học được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 5 năm.

9. Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận khoản thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó vào thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn của hợp đồng thuê.

10. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên Báo cáo tình hình tài chính của Công ty và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần từ 2 đến 5 năm vào Báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ theo phương pháp đường thẳng, bao gồm: chi phí cải tạo văn phòng, chi phí thuê đường truyền dẫn, chi phí công cụ, dụng cụ và chi phí khác.

11. Các khoản vay

Các khoản vay được công bố và trình bày theo giá gốc tại ngày Báo cáo tài chính.

12. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán phản ánh khoản tiền ký quỹ Công ty nhận từ các nhà đầu tư để thực hiện các giao dịch mua bán chứng khoán với Sở Giao dịch chứng khoán.

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán còn bao gồm các khoản trả phí hoạt động kinh doanh, dịch vụ chứng khoán cho Sở Giao dịch chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán và các khoản phải trả khác.

13. Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

14. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn góp của chủ sở hữu từ phát hành cổ phiếu được ghi nhận vào tài khoản vốn điều lệ theo mệnh giá.
- Lợi nhuận chưa phân phối bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện.

Lợi nhuận chưa thực hiện của kỳ kế toán là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ hoặc tài sản tài chính khác tính vào báo cáo lãi lỗ của Báo cáo kết quả hoạt động thuộc danh mục Tài sản tài chính của Công ty chứng khoán.

Lợi nhuận đã thực hiện của kỳ kế toán là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo kết quả hoạt động của Công ty ngoài các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại tài sản tài chính đã được ghi nhận vào lợi nhuận chưa thực hiện.

15. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Doanh thu từ đầu tư chứng khoán, góp vốn

Doanh thu từ đầu tư chứng khoán, góp vốn bao gồm các khoản chênh lệch lãi bán chứng khoán tự doanh của CTCK (được ghi nhận dựa trên Thông báo kết quả thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của Trung tâm Lưu ký chứng khoán) và khoản thu cổ tức cổ phiếu được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động trên cơ sở dồn tích, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được cập nhật và theo dõi số lượng cổ phiếu nắm giữ mà không được ghi nhận là doanh thu.

Doanh thu tư vấn

Doanh thu từ hoạt động tư vấn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ khi dịch vụ đã được cung cấp, doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và xác định được chi phí cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động lưu ký chứng khoán

Doanh thu hoạt động lưu ký chứng khoán cho nhà đầu tư được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ khi thực thu.

Doanh thu tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi ích mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Doanh thu cung cấp dịch vụ khác

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập khác

Các khoản thu nhập khác bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm: các khoản thu về thanh lý, nhượng bán TSCĐ; thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng; thu tiền bảo hiểm được bồi thường; thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí các năm trước; khoản nợ phải trả hay mất chủ được ghi tăng thu nhập; thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại và các khoản thu nhập khác.

16. Chi phí hoạt động

Chi phí hoạt động bao gồm lỗ và chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính, chi phí hoạt động tự doanh và chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ.

Lỗ và chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính

Lỗ và chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính phản ánh các khoản lỗ do bán các tài sản tài chính FVTPL, chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL, chi phí dự phòng tài sản tài chính, chi phí đi vay, lỗ từ các khoản cho vay và phải thu và các khoản lỗ, tổn thất về các tài sản thuộc danh mục đầu tư Tài sản tài chính của Công ty chứng khoán, bao gồm: các tài sản tài chính FVTPL, các khoản đầu tư HTM, các khoản cho vay và phải thu

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trong năm khi phát sinh.

Chi phí hoạt động tự doanh

Chi phí hoạt động tự doanh phản ánh các chi phí hoạt động của Công ty chứng khoán phát sinh khi tự tiến hành các dịch vụ mua bán các chứng khoán cho chính mình bằng nguồn vốn của chính Công ty chứng khoán.

Công ty áp dụng phương pháp bình quân di động để tính giá vốn chứng khoán tự doanh và phương pháp đích danh để tính giá vốn trái phiếu.

Chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ

Chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ phản ánh các chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ trực tiếp của Công ty chứng khoán, bao gồm: chi phí môi giới chứng khoán, chi phí hoạt động bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán, chi phí tư vấn, chi phí hoạt động đấu giá, ủy thác, chi phí lưu ký chứng khoán và chi phí khác.

17. Chi phí quản lý Công ty chứng khoán

Chi phí quản lý Công ty chứng khoán dùng để phản ánh các chi phí quản lý chung của Công ty chứng khoán, bao gồm: chi phí tiền lương và các khoản trích theo lương của nhân viên bộ phận quản lý, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ dụng cụ, khấu hao tài sản cố định, dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác dùng cho hoạt động quản lý.

18. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

19. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) và số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu.

20. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan của Công ty nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của cá nhân được coi là liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình cung cấp dịch vụ có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình cung cấp dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền		
Tiền mặt tại quỹ	8.011.957	35.089.065
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động CTCK	1.002.109.946.915	117.080.750.284
Cộng	1.002.117.958.872	117.115.839.349

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**2. Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ**

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm
a) Cửa CTCK	31.580.480	1.169.095.249.500
Cổ phiếu	22.860.480	292.569.399.500
Trái phiếu	8.720.000	876.525.850.000
b) Cửa Nhà đầu tư	446.172.386	7.570.280.352.050
Cổ phiếu	429.875.856	5.930.893.036.950
Trái phiếu	16.000.000	1.639.029.000.000
Chứng khoán khác	296.530	358.315.100
Cộng	477.752.866	8.739.375.601.550

3. Các loại tài sản tài chính**a) Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Cổ phiếu niêm yết	292.015.659.250	291.390.918.650	812.626.112	861.000.320
Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Phú Thọ	803.400.000	587.100.000	803.400.000	859.020.000
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	13.625.783.138	14.206.920.000	-	-
Ngân hàng TMCP Nam Việt	141.592.000.000	141.592.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Everest	21.985.250.000	22.502.550.000	-	-
Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam	114.000.000.000	112.500.000.000	-	-
Các công ty khác	9.226.112	2.348.650	9.226.112	1.980.320
Cổ phiếu chưa niêm yết	143.000.000.000	143.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000
Công ty Cổ phần Vận tải Ô tô Vĩnh Long	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Bất Động Sản C30 Tân Bình	140.000.000.000	140.000.000.000	-	-
Trái phiếu chưa niêm yết	16.041.650.828	16.100.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Hưng Thịnh Land	16.041.650.828	16.100.000.000	-	-
Cộng	451.057.310.078	450.490.918.650	3.812.626.112	3.861.000.320

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

b) Các khoản cho vay

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Cho vay hoạt động Margin	23.283.332.086	23.283.332.086	-	-
Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán chứng khoán	104.533.851.414	104.533.851.414	1.426.380.509	1.426.380.509
Cộng	127.817.183.500	127.817.183.500	1.426.380.509	1.426.380.509

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

c) Tình hình biến động các khoản đầu tư theo nhóm do đánh giá lại theo giá trị trường cuối kỳ

	Số cuối năm				Số đầu năm				
	Giá mua	Giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý kỳ này	Chênh lệch đánh giá		Giá mua	Giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý kỳ trước	Chênh lệch đánh giá		
			Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm			Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm	
Tài sản tài chính									
FVTPL	451.057.310.078	450.490.918.650	1.157.580.027	(1.723.971.455)	3.812.626.112	3.861.000.320	56.142.993	(7.768.785)	3.861.000.320
<i>Cổ phiếu niêm yết</i>	292.015.659.250	291.390.918.650	1.099.230.855	(1.723.971.455)	812.626.112	861.000.320	56.142.993	(7.768.785)	861.000.320
Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Phú Thọ	803.400.000	587.100.000	-	(216.300.000)	803.400.000	859.020.000	55.620.000	-	859.020.000
CTCP Phân bón Dầu khí Cà Mau	13.625.783.138	14.206.920.000	581.136.862	-	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Everest	21.985.250.000	22.502.550.000	517.300.000	-	-	-	-	-	-
Tổng CTCP Thiết bị điện Việt Nam	114.000.000.000	112.500.000.000	-	(1.500.000.000)	-	-	-	-	-
Các công ty khác	141.601.226.112	141.594.348.650	793.993	(7.671.455)	9.226.112	1.980.320	522.993	(7.768.785)	1.980.320
<i>Cổ phiếu chưa niêm yết</i>	143.000.000.000	143.000.000.000	-	-	3.000.000.000	3.000.000.000	-	-	3.000.000.000
Công ty Cổ phần Vận tải Ô tô Vĩnh Long	3.000.000.000	3.000.000.000	-	-	3.000.000.000	3.000.000.000	-	-	3.000.000.000
CTCP Phát triển Bất Động Sản C30 Tân Bình	140.000.000.000	140.000.000.000	-	-	-	-	-	-	-
<i>Trái phiếu chưa niêm yết</i>	16.041.650.828	16.100.000.000	58.349.172	-	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Hưng Thịnh Land	16.041.650.828	16.100.000.000	58.349.172	-	-	-	-	-	-
Các khoản cho vay	127.817.183.500	127.817.183.500	-	-	1.426.380.509	1.426.380.509	-	-	1.426.380.509
Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán chứng khoán	127.817.183.500	127.817.183.500	-	-	1.426.380.509	1.426.380.509	-	-	1.426.380.509
Cộng	578.874.493.578	578.308.102.150	1.157.580.027	(1.723.971.455)	5.239.006.621	5.287.380.829	56.142.993	(7.768.785)	5.287.380.829

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Các khoản phải thu	Số cuối năm	Số đầu năm
a) Phải thu bán các tài sản tài chính	695.000.000	-
Phải thu bán các tài sản tài chính	695.000.000	-
b) Trả trước cho người bán	512.551.667.980	748.752.200
Công ty Cổ phần Sài Gòn Thủ Thiêm (*)	500.000.000.000	-
Các công ty khác	12.551.667.980	748.752.200
c) Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	62.742.833.058	2.620.427.667
Phải thu hoạt động dịch vụ	286.191.058	4.927.667
Phải thu dịch vụ khác	62.456.642.000	2.615.500.000
d) Các khoản phải thu khác	12.706.169.135	45.006.983.515
Công ty TNHH Hoàng Cầu Việt - Úc	-	40.000.000.000
Bà Phạm Thị Thoa	-	5.000.000.000
Các khoản phải thu khác	12.706.169.135	6.983.515
Cộng	588.695.670.173	48.376.163.382
(*) Khoản đặt cọc đảm bảo giao dịch nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại số 42-44 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh cho mục đích làm trụ sở của Công ty, tổng giá trị giao dịch là 650.000.000.000 VND, thời gian thực hiện giao dịch là không quá 36 tháng kể từ ngày đặt cọc.		
5. Tạm ứng		
Tạm ứng hoạt động nghiệp vụ	562.451.671	134.761.567.327
Cộng	562.451.671	134.761.567.327
<i>Tạm ứng là các bên liên quan:</i>		
Bà Bùi Thị Thanh Trà	-	25.000.000.000
Bà Võ Thị Xuân Lan	-	25.750.000.000
Cộng	-	50.750.000.000
6. Chi phí trả trước		
a) Ngắn hạn	1.090.385.434	1.545.181.514
Chi phí thuê văn phòng	131.891.760	-
Chi phí Công cụ dụng cụ	121.518.349	-
Chi phí thuê đường truyền dẫn	88.151.548	108.464.728
Chi phí mua bảo hiểm tài sản	87.808.382	46.703.331
Các chi phí khác	661.015.395	1.390.013.455
b) Dài hạn	5.501.756.869	6.871.378.972
Chi phí cải tạo văn phòng	3.819.852.990	5.411.276.178
Chi phí vật dụng văn phòng	1.551.047.115	1.279.659.915
Chi phí thuê đường truyền dẫn	27.283.750	47.824.859
Các chi phí khác	103.573.014	132.618.020
Cộng	6.592.142.303	8.416.560.486

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**7. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược**

	Số cuối năm	Số đầu năm
a) Ngắn hạn	20.000.000	20.000.000
Ký quỹ máy photocopy	15.000.000	15.000.000
Ký quỹ thuê kho	5.000.000	5.000.000
b) Dài hạn	2.265.293.833	1.492.116.185
Ký quỹ thuê văn phòng	2.179.293.833	1.484.116.185
Các khoản ký quỹ, ký cược khác	86.000.000	8.000.000
Cộng	2.285.293.833	1.512.116.185

8. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	3.891.415.000	940.454.545	3.544.049.984	8.375.919.529
Tăng trong năm	791.908.200	-	-	791.908.200
<i>Mua sắm mới</i>	<i>791.908.200</i>	-	-	<i>791.908.200</i>
Giảm trong năm	-	-	49.350.000	49.350.000
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>49.350.000</i>	<i>49.350.000</i>
Số cuối năm	4.683.323.200	940.454.545	3.494.699.984	9.118.477.729
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số đầu năm	515.495.116	822.897.742	3.509.093.734	4.847.486.592
Tăng trong năm	937.687.604	117.556.803	16.450.000	1.071.694.407
<i>Khấu hao trong năm</i>	<i>937.687.604</i>	<i>117.556.803</i>	<i>16.450.000</i>	<i>1.071.694.407</i>
Giảm trong năm	-	-	30.843.750	30.843.750
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>30.843.750</i>	<i>30.843.750</i>
Số cuối năm	1.453.182.720	940.454.545	3.494.699.984	5.888.337.249
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	3.375.919.884	117.556.803	34.956.250	3.528.432.937
Số cuối năm	3.230.140.480	-	-	3.230.140.480

Nguyên giá của thiết bị văn phòng bao gồm các phương tiện vận tải và thiết bị đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 lần lượt là 940.454.545 VND và 3.494.699.984 VND (thiết bị đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 3.494.699.984 VND).

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị các phần mềm giao dịch chứng khoán, phần mềm kế toán của Công ty, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 5 năm.

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên giá	10.953.787.564	7.174.617.564
Giá trị hao mòn lũy kế	(7.227.530.379)	(7.131.524.216)
Giá trị còn lại	3.726.257.185	43.093.348

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Nguyên giá của phần mềm giao dịch chứng khoán bao gồm phần mềm đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 7.013.017.564 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 7.013.017.564 VND).

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nâng cấp hệ thống lõi chứng khoán InvestExp V4.0	425.882.609	1.125.390.000
Cộng	425.882.609	1.125.390.000

11. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Một số khoản thuế thu nhập hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được bù trừ theo chế độ kế toán của Công ty cho mục đích lập Báo cáo tài chính:

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	6.584.616.106	3.803.098.004
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC FVTPL	354.391.380	13.852.838
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng	-	3.789.245.166
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến doanh thu chưa thực hiện	6.230.224.726	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(231.438.253)	(386.775.580)
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tăng đánh giá lại các TSTC FVTPL	(231.438.253)	(386.775.580)
	6.353.177.853	3.416.322.424

12. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán

Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	4.168.916.260	4.002.203.153
Mức đóng góp theo doanh số	50.208.981	128.343.233
Tiền lãi phân bổ	(238.098.047)	(199.728.173)
Cộng	4.101.027.194	4.050.818.213

13. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Lãi suất	Số đầu năm	Số vay trong kỳ	Số trả trong kỳ	Số cuối năm
Vay thấu chi Ngân hàng TMCP Tiên Phong	9,1%	-	1.569.350.772	1.569.350.772	-
Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Tiên Phong	9,6%	-	438.289.970.000	438.289.970.000	-
Vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Khải Huy Quân	8,0%	15.000.000.000	-	15.000.000.000	-
Vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Hưng Thịnh Quân	8,0%	-	30.000.000.000	30.000.000.000	-
Cộng		15.000.000.000	469.859.320.772	484.859.320.772	-

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm	Số phải nộp	Số đã nộp	Số cuối năm
Thuế GTGT đầu ra	12.125.914	228.595.172	203.196.762	37.524.324
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	-	17.380.420.084	19.545.926.286	(2.165.506.202)
Thuế thu nhập cá nhân	7.274.943.830	42.744.228.317	42.934.102.197	7.085.069.950
<i>Thuế thu nhập cá nhân nộp hộ nhà đầu tư</i>	<i>2.805.655.981</i>	<i>29.280.221.841</i>	<i>27.423.948.873</i>	<i>4.661.928.949</i>
<i>Thuế thu nhập cá nhân của nhân viên</i>	<i>4.469.287.849</i>	<i>13.464.006.476</i>	<i>15.510.153.324</i>	<i>2.423.141.001</i>
Các loại thuế khác	(3.000.000)	3.000.000	-	-
<i>Thuế môn bài (*)</i>	<i>(3.000.000)</i>	<i>3.000.000</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Cộng	7.284.069.744	60.356.243.573	62.683.225.245	4.957.088.072

Trình bày trên Báo cáo tình hình tài chính:

Thuế và các khoản phải thu Nhà nước (*)	3.000.000	2.165.506.202
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	7.287.069.744	7.122.594.274

- **Thuế giá trị gia tăng**

Công ty áp dụng thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế suất áp dụng

- Hoạt động chính của Công ty không thuộc diện chịu thuế GTGT
- Hoạt động khác chịu thuế suất 10%

- **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Xem Thuyết minh số VI.10

- **Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp thuế môn bài hàng năm theo qui định.

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí hoạt động môi giới	9.086.456.367	12.000.000.000
Phí giao dịch, lưu ký	992.335.319	108.202.441
Chi phí lãi vay	-	29.589.041
Chi phí hoa hồng môi giới sơ cấp, thứ cấp	12.771.370.716	-
Chi phí lãi trái phiếu	9.930.958.904	-
Các chi phí khác	784.132.363	232.106.582
Cộng	33.565.253.669	12.369.898.064

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**16. Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả cổ tức, trái tức	1.626.040.159	1.640.261.659
<i>Phải trả cổ tức cho cổ đông Công ty</i>	<i>19.412.500</i>	<i>19.412.500</i>
<i>Phải trả hộ cổ tức cổ phiếu chưa niêm yết</i>	<i>1.606.627.659</i>	<i>1.620.849.159</i>
Phải trả tiền mua hộ trái phiếu	93.615.259.501	17.600.000.484
Các khoản phải trả, phải nộp khác	6.665.983.316	-
Cộng	<u>101.907.282.976</u>	<u>19.240.262.143</u>

17. Trái phiếu phát hành dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>			<u>Số đầu năm</u>		
	Giá trị	Lãi suất	Kỳ hạn	Giá trị	Lãi suất	Kỳ hạn
Trái phiếu phát hành						
Loại phát hành theo mệnh giá (i)	1.000.000.000.000	9,20%	36 tháng	-	-	-
Cộng	<u>1.000.000.000.000</u>			<u>-</u>		

(i) Trái phiếu phát hành theo từng lần như sau:

Ngày 10 tháng 8 năm 2020, Công ty đã phát hành trái phiếu BOND.TPS.2020.01 với tổng giá trị là 200.000.000.000 VND (mệnh giá của mỗi trái phiếu là 1.000.000 VND) do Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong thu xếp phát hành. Trái phiếu này phải được hoàn trả sau 3 năm với lãi suất là 9,2%/năm, trả lãi định kỳ 3 tháng 1 lần. Công ty đã phát hành thành công trái phiếu này tại ngày 10 tháng 8 năm 2020.

Ngày 13 tháng 8 năm 2020, Công ty đã phát hành trái phiếu BOND.TPS.2020.02 với tổng giá trị là 200.000.000.000 VND (mệnh giá của mỗi trái phiếu là 1.000.000 VND) do Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong thu xếp phát hành. Trái phiếu này phải được hoàn trả sau 3 năm với lãi suất là 9,2%/năm, trả lãi định kỳ 3 tháng 1 lần. Công ty đã phát hành thành công trái phiếu này tại ngày 17 tháng 8 năm 2020.

Ngày 20 tháng 8 năm 2020, Công ty đã phát hành trái phiếu BOND.TPS.2020.03 với tổng giá trị là 100.000.000.000 VND (mệnh giá của mỗi trái phiếu là 1.000.000 VND) do Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong thu xếp phát hành. Trái phiếu này phải được hoàn trả sau 3 năm với lãi suất là 9,2%/năm, trả lãi định kỳ 3 tháng 1 lần. Công ty đã phát hành thành công trái phiếu này tại ngày 20 tháng 8 năm 2020.

Ngày 31 tháng 8 năm 2020, Công ty đã phát hành trái phiếu BOND.TPS.2020.04 với tổng giá trị là 250.000.000.000 VND (mệnh giá của mỗi trái phiếu là 1.000.000 VND) do Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong thu xếp phát hành. Trái phiếu này phải được hoàn trả sau 3 năm với lãi suất là 9,2%/năm, trả lãi định kỳ 3 tháng 1 lần. Công ty đã phát hành thành công trái phiếu này tại ngày 31 tháng 8 năm 2020.

Ngày 31 tháng 8 năm 2020, Công ty đã phát hành trái phiếu BOND.TPS.2020.05 với tổng giá trị là 250.000.000.000 VND (mệnh giá của mỗi trái phiếu là 1.000.000 VND) do Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong thu xếp phát hành. Trái phiếu này phải được hoàn trả sau 3 năm với lãi suất là 9,2%/năm, trả lãi định kỳ 3 tháng 1 lần. Công ty đã phát hành thành công trái phiếu này tại ngày 7 tháng 9 năm 2020.

Trong năm, lãi trái phiếu được ghi nhận vào chi phí tài chính

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

18. Vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn góp của các cổ đông	1.000.000.000.000	400.000.000.000
Cộng	1.000.000.000.000	400.000.000.000
Cổ phiếu		
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	100.000.000	40.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	100.000.000	40.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>100.000.000</i>	<i>40.000.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	100.000.000	40.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>100.000.000</i>	<i>40.000.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

Tình hình tăng vốn

Trong năm, Công ty thực hiện tăng vốn điều lệ từ 400.000.000.000 VND lên 1.000.000.000.000 VND từ việc phát hành 6.000.000 cổ phiếu riêng lẻ cho các nhà đầu tư với giá chào bán là 10.000 VND/cổ phiếu qua 2 đợt phát hành:

- Công ty thực hiện tăng vốn điều lệ từ 400.000.000.000 VND lên 439.600.000.000 VND từ việc phát hành 3.960.000 cổ phiếu riêng lẻ cho các nhà đầu tư với giá chào bán là 10.000 VND/cổ phiếu theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 11/2019/NQ-HĐQT ngày 02 tháng 10 năm 2019, Nghị quyết Hội đồng quản trị số 16/2019/NQ-HĐQT ngày 28 tháng 10 năm 2019 và Biên bản họp Hội đồng quản trị số 14/2019/BB-HĐQT ngày 30 tháng 9 năm 2019 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 thông qua phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ chào bán cho nhà đầu tư để tăng vốn điều lệ từ 400.000.000.000 VND lên 500.000.000.000 VND tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2019 với mục đích bổ sung nguồn vốn lưu động phục vụ kinh doanh và cải thiện các chỉ tiêu an toàn tài chính. Công ty đã hoàn thành đợt chào bán cổ phiếu vào ngày 02 tháng 01 năm 2020 và đã nhận được Giấy phép điều chỉnh số 14/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước cấp ngày 30 tháng 3 năm 2020.
- Công ty thực hiện tăng vốn điều lệ từ 439.600.000.000 VND lên 1.000.000.000.000 VND từ việc phát hành 56.040.000 cổ phiếu riêng lẻ cho các nhà đầu tư với giá chào bán là 10.000 VND/cổ phiếu theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐTN ngày 19 tháng 6 năm 2020, Nghị quyết Hội đồng quản trị số 08/2020/NQ-HĐQT ngày 03 tháng 9 năm 2020 và Biên bản họp Hội đồng quản trị số 13/2020/BB-HĐQT ngày 18 tháng 8 năm 2020 thông qua. Công ty đã hoàn thành đợt chào bán cổ phiếu vào ngày 16 tháng 10 năm 2020 và đã nhận được Giấy phép điều chỉnh số 17/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước cấp ngày 29 tháng 10 năm 2020.

Tình hình sử dụng vốn

Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2020, toàn bộ vốn thu được 600.000.000.000 VND từ việc phát hành 6.000.000 cổ phiếu riêng lẻ cho các nhà đầu tư với giá chào bán là 10.000 VND/cổ phiếu đã sử dụng vào hoạt động kinh doanh của Công ty.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**19. Lợi nhuận chưa phân phối (lỗ lũy kế)**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lỗ lũy kế đầu năm	(128.749.980.001)	(233.115.590.142)
Giảm lỗ từ thặng dư vốn cổ phần	-	50.000.000.000
Lợi nhuận (lỗ) đã thực hiện trong năm/ kỳ	86.943.906.166	49.084.674.009
Lợi nhuận (lỗ) chưa thực hiện trong năm/kỳ	2.322.089.793	5.280.936.132
Lỗ lũy kế cuối năm/ kỳ	<u>(39.483.984.042)</u>	<u>(128.749.980.001)</u>

20. Các chỉ tiêu ngoài Báo cáo tình hình tài chính**a) Nợ khó đòi đã xử lý**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi đến hạn	488.049.164	488.049.164
Phải thu các cá nhân theo hợp đồng hỗ trợ thanh toán	37.510.206.284	37.510.206.284
Phải thu khác khó đòi - Vụ án bà Huỳnh Thị Huyền Như	370.195.050.072	372.963.320.402
Phải thu khác khó đòi	41.529.999	41.529.999
Cộng	<u>408.234.835.519</u>	<u>411.003.105.849</u>

b) Tài sản tài chính niêm yết/dăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán (VSD) của CTCK (theo mệnh giá)

Sàn HNX	167.457.000.000	-
Sàn HOSE	59.136.940.000	640.000
Sàn Upcom	624.330.000	624.330.000
Cộng	<u>227.218.270.000</u>	<u>624.970.000</u>

c) Tài sản tài chính chờ về của CTCK

Cổ phiếu	1.511.500.000	-
Cộng	<u>1.511.500.000</u>	<u>-</u>

d) Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK

Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD	98.100.000.000	3.000.000.000
Cộng	<u>98.100.000.000</u>	<u>3.000.000.000</u>

e) Tài sản tài chính niêm yết/dăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư

Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	1.113.855.545.000	948.781.920.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	1.966.554.330.000	832.626.290.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	26.645.910.000	1.182.400.000
Cộng	<u>3.107.055.785.000</u>	<u>1.782.590.610.000</u>

f) Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư

Cổ phiếu	24.349.090.000	-
Cộng	<u>24.349.090.000</u>	<u>-</u>

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
g) Tiền gửi của Nhà đầu tư		
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	154.001.020.004	13.427.572.793
<i>Tiền gửi của Nhà đầu tư trong nước về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý</i>	<i>153.425.112.018</i>	<i>13.317.515.503</i>
<i>Tiền gửi của Nhà đầu tư nước ngoài về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý</i>	<i>575.907.986</i>	<i>110.057.290</i>
Cộng	<u>154.001.020.004</u>	<u>13.427.572.793</u>
h) Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán		
Tiền gửi bán chứng khoán bảo lãnh, đại lý phát hành	28.000.000.000	16.200.000.000
Cộng	<u>28.000.000.000</u>	<u>16.200.000.000</u>
i) Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		
Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	153.425.112.018	13.317.515.503
Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	575.907.986	110.057.290
Cộng	<u>154.001.020.004</u>	<u>13.427.572.793</u>
j) Phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán		
Phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán	28.000.000.000	16.200.000.000
Cộng	<u>28.000.000.000</u>	<u>16.200.000.000</u>
k) Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		
Tiền gửi thanh toán gốc, tiền lãi và cổ tức của Tổ chức phát hành	1.606.627.659	1,620.849.159

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIẾN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Đơn vị tính: VND

1. Lãi, lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL

Stt	Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán	Giá bán	Tổng giá trị bán	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lãi, lỗ bán chứng khoán năm này	Lãi, lỗ bán chứng khoán Kỳ trước
I.	Lãi bán					23.633.638	187.775.781
	Cổ phiếu niêm yết					23.633.638	-
	<i>Năm nay</i>			695.000.000	671.366.362	23.633.638	-
	DCM	50.000	13.900	695.000.000	671.366.362	-	187.775.781
	<i>Năm trước</i>			6.678.447.100	6.490.671.319	-	86.287.781
	BCG	411.050	6.054	2.488.601.100	2.402.313.319	-	13.330.000
	DSP	28.200	13.473	379.930.000	366.600.000	-	40.000.000
	GEX	60.000	22.667	1.360.000.000	1.320.000.000	-	48.158.000
	HNG	152.010	16.117	2.449.916.000	2.401.758.000	-	-
	Cổ phiếu chưa niêm yết					15.822.785	-
	<i>Năm nay</i>			30.000.000.000	29.984.177.215	15.822.785	-
	OTC-TPMTT	1.895.000	15.831	30.000.000.000	29.984.177.215	-	-
	Trái phiếu chưa niêm yết					3.477.816.615	-
	<i>Năm nay</i>			1.482.600.000.000	1.479.122.183.385	3.477.816.615	-
	BCGL.2019.01	2.022	100.000.000	202.200.000.000	201.513.572.105	686.427.895	-
	CIH052022	2.138	100.000.000	213.800.000.000	213.413.829.116	386.170.884	-
	CIH072022	1.063	100.000.000	106.300.000.000	106.158.958.156	141.041.844	-
	CIH102021	1.261	100.000.000	126.100.000.000	125.983.274.521	116.725.479	-
	HTL.2019.04	1.106	100.000.000	110.600.000.000	110.497.386.746	102.613.254	-
	HTL.2019.07	1.553	100.000.000	155.300.000.000	154.729.338.849	570.661.151	-
	NNHP.2020.01	772	100.000.000	77.200.000.000	77.094.152.552	105.847.448	-

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIẾN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Stt	Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán	Giá bán	Tổng giá trị bán	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lãi, lỗ bán chứng khoán năm này	Lãi, lỗ bán chứng khoán Kỳ trước
	DGT.2019	60	100.000.000	6.000.000.000	5.995.566.821	4.433.179	-
	CII.2020.01	637	100.000.000	63.700.000.000	63.457.914.937	242.085.063	-
	HNG.2020.01	382	100.000.000	38.200.000.000	38.177.657.552	22.342.448	-
	HTL.2019.02	1.922	100.000.000	192.200.000.000	192.179.869.233	20.130.767	-
	HTL.2020.01	533	100.000.000	53.300.000.000	52.927.315.425	372.684.575	-
	HTL.2020.06	839	100.000.000	83.900.000.000	83.595.931.961	304.068.039	-
	BCGL.2020.01	314	100.000.000	31.400.000.000	31.133.629.866	266.370.134	-
	BCGL.2020.02	60	100.000.000	6.000.000.000	5.950.355.862	49.644.138	-
	BCGL.2020.03	20	100.000.000	2.000.000.000	1.982.930.865	17.069.135	-
	TCD.2020.01	14.400	1.000.000	14.400.000.000	14.330.498.818	69.501.182	-
	Giấy tờ có giá					537.274.000	187.775.781
	Năm nay			100.000.000.000	99.462.726.000	537.274.000	-
	CCTG.VIETCREDIT.0809.02	501	199.600.798	100.000.000.000	99.462.726.000	537.274.000	-
	Cộng					4.054.547.038	187.775.781
II.	Lỗ bán					-	(1.227.706.039)
	Cổ phiếu niêm yết					-	(1.227.706.039)
	Kỳ trước			10.319.616.800	11.547.322.836	-	(20.505.676)
	BCG	88.950	5.614	499.347.800	519.853.473	-	(382.000.000)
	DXG	100.000	24.950	2.495.000.000	2.877.000.000	-	(809.401.363)
	HAG	930.000	5.379	5.002.826.000	5.812.227.363	-	(15.799.000)
	HNG	147.990	15.693	2.322.443.000	2.338.242.000	-	-
	Cổ phiếu chưa niêm yết			20.000.000.000	20.015.822.785	(15.822.785)	-
	Năm 2020			20.000.000.000	20.015.822.785	(15.822.785)	-

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIẾN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Stt	Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán	Giá bán	Tổng giá trị bán	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lãi, lỗ bán chứng khoán năm này	Lãi, lỗ bán chứng khoán Kỳ trước
	OTC-TPMTT	1.265.000	15.810	20.000.000.000	20.015.822.785	(15.822.785)	-
	Trái phiếu niêm yết			438.235.880.000	438.289.970.000	(54.090.000)	-
	<i>Kỳ này</i>			<i>438.235.880.000</i>	<i>438.289.970.000</i>	<i>(54.090.000)</i>	-
	TD1727396	500.000	119.649	59.824.500.000	59.831.500.000	(7.000.000)	-
	TD2030014	390.000	96.271	37.545.690.000	37.558.170.000	(12.480.000)	-
	TD2030016	1.500.000	94.496	141.744.000.000	141.753.000.000	(9.000.000)	-
	TD2030020	1.970.000	101.077	199.121.690.000	199.147.300.000	(25.610.000)	-
	Trái phiếu chưa niêm yết			728.900.000.000	734.051.753.627	(5.151.753.629)	-
	<i>Kỳ này</i>			<i>728.900.000.000</i>	<i>734.051.753.627</i>	<i>(5.151.753.629)</i>	-
	BCGL.2019.01	693	100.000.000	69.300.000.000	69.656.107.558	(356.107.558)	-
	CI1052022	569	100.000.000	56.900.000.000	58.127.196.799	(1.227.196.799)	-
	CI1072022	246	100.000.000	24.600.000.000	25.099.845.977	(499.845.977)	-
	CI1102021	268	100.000.000	26.800.000.000	27.085.215.805	(285.215.805)	-
	HTL.2019.04	2.017	100.000.000	201.700.000.000	203.000.882.855	(1.300.882.855)	-
	HTL.2019.07	1.353	100.000.000	135.300.000.000	135.795.588.523	(495.588.523)	-
	NNHP.2020.01	197	100.000.000	19.700.000.000	19.719.691.825	(19.691.825)	-
	DGT.2019	250	100.000.000	25.000.000.000	25.017.408.503	(17.408.503)	-
	CI1.2020.01	422	100.000.000	42.200.000.000	42.680.669.097	(480.669.098)	-
	HNG.2020.01	899	100.000.000	89.900.000.000	90.265.477.061	(365.477.062)	-
	HTL.2019.02	299	100.000.000	29.900.000.000	29.978.630.488	(78.630.488)	-
	KHL.2020.01	76	100.000.000	7.600.000.000	7.625.039.136	(25.039.136)	-
	Cộng					(5.221.666.414)	(1.227.706.039)

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2.	Chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính								
Stt	Danh mục các khoản đầu tư	Giá trị mua theo số kế toán	Giá trị trường hoặc Giá trị hợp lý	Chênh lệch đánh giá lại kỳ này	Chênh lệch đánh giá lại kỳ trước	Chênh lệch điều chỉnh số kế toán kỳ này	Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm	
I	Loại FVTPL	451.057.310.078	450.490.918.650	(566.391.428)	48.374.208	(614.765.636)	1.157.191.264	(1.771.956.900)	
1	Cổ phiếu niêm yết	292.015.659.250	291.390.918.650	(624.740.600)	48.374.208	(673.114.808)	1.098.842.092	(1.771.956.900)	
2	Cổ phiếu chưa niêm yết	143.000.000.000	143.000.000.000	-	-	-	-	-	
3	Trái phiếu chưa niêm yết	16.041.650.828	16.100.000.000	58.349.172	-	58.349.172	58.349.172	-	
II	Các khoản cho vay	127.817.183.500	127.817.183.500	-	-	-	-	-	
	Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán chứng khoán	127.817.183.500	127.817.183.500	-	-	-	-	-	
	Cộng	578.874.493.578	578.308.102.150	(566.391.428)	48.374.208	(614.765.636)	1.157.191.264	(1.771.956.900)	

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**3. Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Từ tài sản tài chính FVTPL	10.220.043.248	40.983.600
Từ các khoản đầu tư HTM	5.753.425	2.001.390.379
Từ các khoản cho vay	1.249.873.023	35.173.288
Cộng	11.475.669.696	2.077.547.267

4. Doanh thu ngoài thu nhập TSTC

Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	18.714.861.029	1.016.008.565
Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	-	320.000.000
Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	6.368.409.091	58.880.779
Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	26.669.182.107	12.334.324.736
Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	306.470.205.479	155.253.700.000
Doanh thu khác	15.215.117.574	172.000.000
Cộng	379.806.184.371	169.213.794.859

5. Chi phí các dịch vụ

Chi phí hoạt động tự doanh	144.000.000	294.419.903
Chi phí môi giới chứng khoán	11.870.411.833	3.502.145.610
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	31.067.004.543	452.944.585
Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	152.912.872.528	101.801.697.665
Cộng	195.994.288.904	106.051.207.763

6. Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu lãi tiền gửi	380.759.736	270.154.635
Cộng	380.759.736	270.154.635

7. Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí lãi vay	41.400.067.222	78.778.526
Cộng	41.400.067.222	78.778.526

8. Chi phí quản lý Công ty chứng khoán

Chi phí lương và các khoản khác theo lương	30.674.943.262	12.046.552.239
BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN	1.957.528.502	939.279.370
Chi phí vật tư, đồ dùng văn phòng	577.442.831	99.538.934
Chi phí công cụ, dụng cụ	932.949.882	574.266.784
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.426.833.582	630.306.991
Chi phí thuế, phí và lệ phí	100.161.743	14.766.233
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.066.312.867	4.702.005.295
Chi phí khác	7.491.254.460	3.733.109.773
Cộng	52.227.427.129	22.739.825.619

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**9. Thu nhập khác**

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	9.955.861.771	7.491.800.193
Nhận bồi thường từ công nợ đã xử lý	9.955.853.091	5.988.789.400
Xử lý công nợ	8.680	1.500.000.000
Thu nhập khác	-	3.010.793
Chi phí khác	18.506.611	-
Chi phí thanh lý tài sản cố định	18.506.250	-
Chi phí khác	361	-
Lợi nhuận (lỗ) khác thuần	9.937.355.160	7.491.800.193

10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	103.709.560.614	50.939.287.717
Điều chỉnh lợi nhuận kế toán:	758.765.636	(1.232.113.708)
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	1.915.956.900	701.764.190
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	(1.157.191.264)	(1.933.877.898)
Trừ: Chuyển lỗ	(17.566.225.828)	(49.707.174.009)
Tổng thu nhập chịu thuế	86.902.100.422	-
Thuế suất áp dụng	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	17.380.420.084	-

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập chịu thuế.

11. Chi phí (thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Công ty đã ghi nhận chi phí (thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại vào Báo cáo kết quả hoạt động cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và kỳ kế toán năm trước như sau:

Các khoản lỗ tính thuế đã sử dụng	18.946.225.828	(18.946.225.828)
Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC FVTPL	(1.702.692.710)	(69.264.190)
Chênh lệch tăng đánh giá lại các TSTC FVTPL	(776.686.634)	1.933.877.898
Doanh thu chưa thực hiện	(31.151.123.629)	-
Chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(14.684.277.145)	(17.081.612.120)
Thuế suất áp dụng	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(2.936.855.429)	(3.416.322.424)

12. Lãi trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi trên cổ phiếu cơ bản và lãi trên cổ phiếu suy giảm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	89.265.995.959	54.365.610.141
Trừ: Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	89.265.995.959	54.365.610.141
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	56.143.306	37.282.192
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.590	1.458

b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lợi nhuận (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	89.265.995.959	54.365.610.141
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp để tính lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông khi xác định lãi suy giảm trên cổ phiếu	-	-
Lợi nhuận (lỗ) thuộc cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng	89.265.995.959	54.365.610.141
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	56.143.306	37.282.192
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Số lượng cổ phiếu bình quân lưu hành đã được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng	56.143.306	37.282.192
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.590	1.458

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Các giao dịch không bằng tiền không ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong năm nên không được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	Năm nay	Năm trước
Mua sắm tài sản trong kỳ đã trả trước từ năm trước	151.526.100	-
Chi phí lãi vay, lãi trái phiếu phải trả	9.930.958.904	29.589.041

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các giao dịch bằng tiền ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong năm nên được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Trả trước tiền mua sắm tài sản	6.012.950.000	151.526.100
Chi phí lãi vay phải trả năm trước đã trả trong kỳ nay	29.589.041	-

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Cam kết thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trong vòng 1 năm	4.891.513.504	6.153.156.810
Từ năm thứ 2 đến năm thứ 5	12.768.990.338	17.660.503.842
Cộng	<u>17.660.503.842</u>	<u>23.813.660.652</u>

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện:

- Tổng số tiền thuê 350 m2 tại phòng 404-405, lầu 4 số 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh của Công ty Cổ phần Ngoại thương và Phát triển Đầu tư Đại ốc Châu Lục theo Hợp đồng thuê mặt bằng số 76/2019/HĐKT/FIDECOLAND-TPS ngày 25 tháng 6 năm 2019 được ký với thời hạn 5 năm tính từ ngày 25 tháng 7 năm 2019.
- Tổng số tiền thuê 160 m2 tại 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh của bà Huỳnh Mỹ Thanh theo Hợp đồng thuê mặt bằng số 16072018/HĐ-ORS ngày 16 tháng 7 năm 2018 được ký với thời hạn 54 tháng tính từ ngày 01 tháng 9 năm 2018.
- Tổng số tiền thuê 274 m2 tại tầng 12 Tòa nhà DOJI Tower số 5 Lê Duẩn, Phường Điện Biên, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội của Công ty Cổ phần Tập đoàn Vàng bạc đá quý DOJI theo Hợp đồng thuê mặt bằng số 691/2019/HĐT/TPS-DOJI ngày 6 tháng 9 năm 2019 được ký với thời hạn 36 tháng tính từ ngày 16 tháng 10 năm 2019.

2. Nghiệp vụ và số dư các bên liên quan

Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm:

Các bên liên quan

Bà Trần Thanh Hương
Ông Nguyễn Đình Ngồn
Bà Bùi Thị Thanh Trà
Bà Võ Thị Xuân Lan

Mối quan hệ

Trưởng Ban Kiểm soát
Giám đốc Khối Ngân hàng đầu tư
Giám đốc Khối Vận hành
Thành viên Ban kiểm soát

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Tạm ứng hoạt động nghiệp vụ</i>		
Bà Trần Thanh Hương	-	55.000.000
Ông Nguyễn Đình Ngôn	477.728.380.000	70.000.000.000
Bà Bùi Thị Thanh Trà	770.763.420.000	90.000.000.000
Bà Võ Thị Xuân Lan	121.600.000.000	138.000.000.000

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Tạm ứng hoạt động nghiệp vụ</i>		
Bà Bùi Thị Thanh Trà	-	25.000.000.000
Bà Võ Thị Xuân Lan	-	25.750.000.000

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt Công ty trong năm như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Thu nhập	3.862.739.033	1.468.790.800

3. Báo cáo theo bộ phận

Ban Tổng Giám đốc tập trung việc quản lý và đánh giá hiệu quả hoạt động trên khía cạnh toàn Công ty và chưa tiến hành xem xét và đánh giá theo từng bộ phận kinh doanh. Đồng thời, các doanh thu của Công ty phát sinh trong lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng việc trình bày thông tin theo bộ phận là không cần thiết.

4. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm nợ thuần (các khoản vay bao gồm các khoản vay như được trình bày tại Thuyết minh số V.13 và Trái phiếu phát hành dài hạn như được trình bày tại Thuyết minh số V.17 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của Công ty (bao gồm vốn góp và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (lỗ lũy kế))

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính.

Các loại công cụ tài chính

Tài sản tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các tài sản tài chính FVTPL, các khoản đầu tư HTM, các khoản cho vay, các khoản phải thu, phải thu các dịch vụ Công ty chứng khoán cung cấp, các khoản phải thu khác và cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả giao dịch chứng khoán, phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản phải trả, phải nộp khác.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.002.117.958.872	117.115.839.349
Các tài sản tài chính FVTPL	450.490.918.650	3.861.000.320
Các khoản cho vay	127.817.183.500	1.426.380.509
Các khoản phải thu	76.144.002.193	47.627.411.182
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	2.285.293.833	1.512.116.185
Cộng	<u>1.658.855.357.048</u>	<u>171.542.747.545</u>
Nợ phải trả tài chính		
Các khoản vay	-	15.000.000.000
Phải trả người bán	324.237.500	967.269.530
Chi phí phải trả	55.406.916.000	-
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	33.565.253.669	12.369.898.064
Trái phiếu phát hành dài hạn	1.000.000.000.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	101.907.282.976	19.240.262.143
Cộng	<u>1.191.203.690.145</u>	<u>47.577.429.737</u>

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá (rủi ro ngoại tệ), rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá.

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá. Công ty không thực hiện biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này cũng như đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa các rủi ro này có thể cao hơn rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về yếu tố của các công cụ tài chính trong tương lai.

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn, các khoản cho vay và các khoản vay.

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất của Công ty tại ngày Báo cáo tài chính là không đáng kể.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Quản lý rủi ro về giá

Rủi ro về giá của các công cụ tài chính (giá của cổ phiếu, giá của các tài sản tài chính,...) là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Quản lý về rủi ro giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư. Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty đầu tư,...

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết của Công ty là 872.182.816.500 VND. Nếu giá cả các cổ phiếu này tăng/giảm 10% thì lợi nhuận trước thuế của Công ty sẽ tăng/giảm khoảng 8.721.828.165 VND phụ thuộc vào việc tăng/giảm giá trị này có đáng kể hoặc kéo dài hay không.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu, các khoản cho vay) và hoạt động tài chính (chủ yếu là tiền gửi ngân hàng).

Các khoản phải thu

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng. Chất lượng tín dụng của khách hàng được đánh giá dựa trên đánh giá của Ban Tổng Giám đốc.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng thường xuyên. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng và thành lập một bộ phận kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc Công ty, rủi ro của các khoản phải thu là không đáng kể.

Các khoản cho vay ứng trước tiền bán chứng khoán cho khách hàng

Rủi ro tín dụng khách hàng dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến qui trình cho vay ứng trước khách hàng. Công ty thực hiện đánh giá và thẩm định khách hàng để xác định hạn mức tín dụng trước khi ký kết các hợp đồng ứng trước cho khách hàng cũng như định kỳ kiểm tra tình hình tài chính của khách hàng vay để các điều chỉnh phù hợp về hạn mức tín dụng.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng tất cả các khoản cho vay ứng trước khách hàng đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này điều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được xếp hạng tín dụng cao ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng từ số dư tiền gửi ngân hàng được quản lý bởi bộ phận nguồn vốn của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong Báo cáo tình hình tài chính tại mỗi kỳ lập Báo cáo tài chính là giá trị ghi sổ. Công ty nhận thấy mức tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền ngân hàng là thấp.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công cụ nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
Số cuối kỳ			
Tài sản tài chính			
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.002.117.958.872	-	1.002.117.958.872
Các tài sản tài chính FVTPL	450.490.918.650	-	450.490.918.650
Các khoản cho vay	127.817.183.500	-	127.817.183.500
Các khoản phải thu	76.144.002.193	-	76.144.002.193
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	-	2.285.293.833	2.285.293.833
Cộng	1.656.570.063.215	2.285.293.833	1.658.855.357.048
Nợ phải trả tài chính			
Các khoản vay	-	-	-
Phải trả người bán	324.237.500	-	324.237.500
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	55.406.916.000	-	55.406.916.000
Chi phí phải trả	33.565.253.669	-	33.565.253.669
Trái phiếu phát hành dài hạn	-	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	101.907.282.976	-	101.907.282.976
Cộng	191.203.690.145	1.000.000.000.000	1.191.203.690.145
Chênh lệch thanh khoản thuần	1.465.366.373.070	(997.714.706.167)	467.651.666.903

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
Số đầu năm			
Tài sản tài chính			
Tiền và các khoản tương đương tiền	117.115.839.349	-	117.115.839.349
Các tài sản tài chính FVTPL	3.861.000.320	-	3.861.000.320
Các khoản cho vay	1.426.380.509	-	1.426.380.509
Các khoản phải thu	47.627.411.182	-	47.627.411.182
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	-	1.512.116.185	1.512.116.185
Cộng	170.030.631.360	1.512.116.185	171.542.747.545
Nợ phải trả tài chính			
Các khoản vay	15.000.000.000	-	15.000.000.000
Phải trả người bán	967.269.530	-	967.269.530
Chi phí phải trả	12.369.898.064	-	12.369.898.064
Các khoản phải trả, phải nộp khác	19.240.262.143	-	19.240.262.143
Cộng	47.577.429.737	-	47.577.429.737
Chênh lệch thanh khoản thuần	122.453.201.623	1.512.116.185	123.965.317.808

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh toán ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

5. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu cần phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính của Công ty.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 02 năm 2021



TRẦN SƠN HẢI
Tổng Giám đốc

NGUYỄN THỊ LỆ TÙNG
Giám đốc Khối tài chính

NGUYỄN THỊ KHÁNH HÒA
Kế toán trưởng



Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính